

Số: 266 /QĐ-UBND

Vinh Tuyên, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai phần bổ dự toán thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương
và phân bổ ngân sách xã 03 tháng năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VINH TUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026 cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Vinh Tuyên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Vinh Tuyên về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 113/TTr-PKT ngày 13 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn và thu ngân sách cấp xã hàng năm 2026 theo phân cấp; phân bổ dự toán chi ngân sách cấp xã 03 tháng năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị. Cụ thể như sau:



- Công khai thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách cấp xã hưởng năm 2026: *Phụ lục I kèm theo.*

- Công khai phân bổ dự toán chi ngân sách cấp xã năm 2026 theo đơn vị lĩnh vực chi: *Phụ lục II kèm theo.*

Điều 2. Hình thức công khai:

Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Thủ trưởng các đơn vị được phân bổ kinh phí và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính tỉnh (b/c);
- LĐ UBND xã (b/c);
- LĐ VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH



Võ Chí Công



**CÔNG KHAI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN
VÀ THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP 03 THÁNG
ĐẦU NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 966 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Tuy)

ĐVT: 1.000.000 đồng.

STT	CHỈ TIÊU	DT 2026	Đã thu đến 31/3/2026	Đạt % so DT
	TỔNG THU NỘI ĐỊA	7.880	3.165	40,2
	Tổng thu nội địa (trừ đất)	7.210	3.126	43,4
1	Thu từ khu vực DNNN địa phương	210	76	36,2
	- Thuế GTGT	110	38	34,5
	- Thuế TNDN	100	38	38
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.460	1.661	67,5
	- Thuế GTGT	1.960	1.558	79,5
	- Thuế TTĐB	0	0	
	- Thuế TNDN	500	103	20,6
	- Thuế TN	0	0	
2.1	Thu từ DN và tổ chức	1.990	1.542	77,5
	- Thuế GTGT	1.490	1.439	96,6
	- Thuế TTĐB		0	
	- Thuế TNDN	500	103	20,6
	- Thuế TN		0	
2.2	Thu từ hộ gia đình và CNKD	470	119	25,3
	- Thuế GTGT	470	119	25,3
	- Thuế TTĐB		0	
	- Thuế TN		0	
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.790	331	18,5
	- Tiền lương, tiền công		-4	
	- Đầu tư vốn		0	
	- Hộ sản xuất, kinh doanh	310	69	22,3
	- CQSDĐ	1.380	263	19,1
	- Thu nhập từ HĐ cho thuê tài sản	20	1	5
	- Thu nhập khác	80	2	2,5
4	Lệ phí trước bạ	2.650	774	29,2
	- Thu phí - lệ phí	70	136	194,3
	- Trung ương	30	105	350
	- Địa phương	40	31	77,5
6	Thuế sử dụng đất PNN		0	



7	Thu tiền sử dụng đất	670	39	5,8
8	Thu khác ngân sách	30	148	493,3
	- Trung ương		0	
	- Địa phương	30	148	493,3
9	Thu từ đất quỹ công ích		0	



CÔNG KHAI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	32.861.120.143
I	Chi đầu tư phát triển	43.356.881
1.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	
1.6	Chi Văn hóa thông tin	43.356.881
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình	
1.8	Chi Thể dục thể thao	
1.9	Chi Bảo vệ môi trường	
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	
1.12	Chi bảo đảm xã hội	
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương	
4	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định	
III	Chi thường xuyên	32.817.763.262
2.1	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	788.335.683
2.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	101.530.000
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	16.624.366.628
2.4	Chi Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	1.005.941.771
2.6	Chi Văn hóa thông tin	35.000.000
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình	
2.8	Chi Thể dục thể thao	74.800.000
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	57.462.135
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	15.532.761
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	7.160.660.660
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	6.954.133.624
2.13	Các khoản chi khác	
-	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	
-	Các khoản chi khác của đơn vị	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
V	Chi viện trợ	
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ	
VII	Chi chuyển nguồn	



VIII	Chỉ hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật	
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	
1	Bổ sung cân đối	
2	Bổ sung có mục tiêu	
	Trong đó: - Bảng nguồn vốn trong nước	
	- Bảng nguồn vốn ngoài nước	
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	
	TỔNG SỐ (A+B+C)	32.861.120.143



CÔNG KHAI CHỈ NGÂN SÁCH THEO TỪNG ĐƠN VỊ 03 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Phụ lục 02

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: ĐỒNG

ST	Tên đơn vị (1)	Dự toán (2)			Quyết toán										So sánh (%)					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi đầu tư		Chi thường xuyên		Chi chuyển giao	Chi chuyển nhượng	Chi đầu tư	Chi thường xuyên				
					Tổng số	KH-CN	GD-ĐT và KH-CN	GD-ĐT và KH-CN	Tổng số	KH-CN	GD-ĐT và KH-CN	GD-ĐT và KH-CN								
																	Tổng số	GD-ĐT và KH-CN	Tổng số	GD-ĐT và KH-CN
A	B	1-2-3-4	2	3	4	5-6-7-8-9-10-11	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15	16	17=5/1	18=6/2	19=9/3	20=12/4
	Tổng số	137.447.211.000	4.300.000.000	133.147.211.000	1.244.891.586	32.861.130.133			32.861.130.133	18.634.594.629	43.356.881	43.356.881	43.356.881				23,91	0,00	24,90	5,4
1	1015021 - Trường Tiểu học Vĩnh Tuy 2	7.771.623.251		7.771.623.251		1.801.404.216			1.801.404.216	1.801.404.216							23,19		23,19	
2	1036011 - Trường Tiểu học Vĩnh Phúc A1	5.931.483.169		5.931.483.169		1.296.350.931			1.291.350.521	1.291.350.521							21,77		21,77	
3	063376 - Trường Tiểu học Vĩnh Tuy 1	14.919.049.000		14.919.049.000		3.128.820.623			3.128.820.623	3.128.820.623							21,76		21,76	
4	0660012 - Trường Tiểu học Vĩnh Phúc	10.712.866.738		10.712.866.738		2.299.221.336			2.299.221.336	2.299.221.336							21,46		21,46	
5	1081116 - Trường Tiểu học Vĩnh Phúc A	10.148.999.816		10.148.999.816		2.371.671.020			2.371.671.020	2.371.671.020							23,33		23,33	
6	1105001 - Trường Tiểu học Vĩnh Phúc A2	6.436.259.770		6.436.259.770		1.807.475.240			1.807.475.240	1.807.475.240							28,33		28,33	
7	1105001 - Trường Tiểu học Vĩnh Phúc A2	3.548.819.562		3.548.819.562		1.733.554.401			1.733.554.401	1.733.554.401							21,77		21,77	
8	1107011 - Trường Mầm non Vĩnh Tuy	4.671.862.711		4.671.862.711		1.127.919.476			1.127.919.476	1.127.919.476							24,46		24,46	
9	1108011 - Trường Mầm non Vĩnh Phúc	3.831.211.016		3.831.211.016		810.655.100			810.655.100	810.655.100							21,40		21,40	
10	1120001 - Trường Mầm non Vĩnh Phúc A	2.084.143.110		2.084.143.110		440.283.524			440.283.524	440.283.524							21,60		21,60	
11	1140007 - Phòng Văn hóa - Xã hội xã Gò Quao					1.925.113			1.925.113								26,46		26,46	
12	1147987 - Phòng Kinh tế xã Vĩnh Tuy	14.711.343.900		14.711.343.900		3.826.794.901			3.826.794.901								26,00		26,00	
13	1148337 - Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Tuy	798.914.193		798.914.193		190.866.081			190.866.081								24,97		24,97	
14	1148336 - Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy	3.117.544.115		3.117.544.115		1.214.415.280			1.214.415.280								24,12		24,12	
15	1148361 - Phòng Văn hóa-Xã hội xã Vĩnh Tuy	26.084.418.139		26.084.418.139		8.210.598.130			8.210.598.130								30,42		30,42	
16	1149274 - ỦY BAN MẶT TRẦN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ VINH TIÊN	2.103.579.000		2.103.579.000		476.122.763			476.122.763								22,75		22,75	
17	1155041 - Văn phòng Đăng ký xã Vĩnh Tuy	1.117.400.000		1.117.400.000		1.374.824.648			1.374.824.648								124,66		124,66	
18	1168809 - Trạm y tế xã Vĩnh Tuy	788.596.401		788.596.401		779.014.425			779.014.425								98,78		98,78	
19	1053629 - Bộ Công an	309.570.000		309.570.000		101.570.000			101.570.000								32,80		32,80	
20	1053630 - Bộ Quốc phòng	2.133.401.000		2.133.401.000		798.135.683			798.135.683								37,46		37,46	
21	8042051 - NANG GAP SUA CHUA NHA VAN HOA CAC AP VINH MINH, THANG LOI, VINH TIEN, VINH THANH	60.287.988		60.287.988		41.136.881			41.136.881								68,26		68,26	
22	8042746 - NANG GAP SUA CHUA NHA VAN HOA CAC AP TIEN PHONG, LONG EXOL, CHIEN THIANG, VINH BINH, VINH PHONG	141.444.216		141.444.216		41.136.881			41.136.881								29,15		29,15	



Số: 55 /TB-UBND

Vĩnh Tuy, ngày 15 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày
15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy về việc công bố công khai phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách xã 03 tháng năm 2026;

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy thông báo niêm yết công khai các nội dung theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026, cụ thể:

1. Nội dung niêm yết công khai

1.1. Công khai thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách cấp xã hưởng năm 2026 theo phân cấp, chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.

1.2. Công khai phân bổ dự toán chi ngân sách cấp xã năm 2026 theo đơn vị, lĩnh vực chi, chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2026.

Quyết định số 966/QĐ-UBND và các phụ lục kèm theo là tài liệu công khai ngân sách và được niêm yết để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết, theo dõi và giám sát.

2. Hình thức công khai

Niem yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy.

3. Thời gian niêm yết công khai



Thời gian niêm yết công khai:

Từ ngày 15 tháng 4 năm 2026 đến hết ngày 15 tháng 5 năm 2026.

Tổng thời gian niêm yết công khai là **30 ngày**.

Việc niêm yết phải bảo đảm tài liệu công khai được đặt tại vị trí thuận tiện, dễ quan sát, để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có điều kiện tiếp cận, theo dõi và giám sát.

Sau khi kết thúc thời gian niêm yết, Phòng Kinh tế phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã lập hồ sơ xác nhận việc niêm yết công khai, lưu giữ đầy đủ Quyết định, Thông báo, các phụ lục và tài liệu có liên quan theo quy định.

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tuy thông báo để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan biết và thực hiện giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Niêm yết tại trụ sở UBND xã;
- Lưu: VT, PKT.

CHỦ TỊCH



Võ Chí Công

